

Phụ Chú Giải Tập Yếu Luật Tạng – 7. Luận giải về sự không thọ dụng

7. Anāmāsavinicchayakathā

7. Lời giảng về sự phân xử các vật không được chạm đến

40.Anāmāsanti na parāmasitabbam. Tatrāyaṃ vinicchayo (pārā. aṭṭha. 2.281) – yasmā mātā vā hotu dhītā vā bhaginī vā, itthī nāma sabbāpi brahmacariyassa pāribanthikāva anāmāsā ca, tasmā “ayaṃ me mātā, ayaṃ me dhītā, ayaṃ me bhaginī”ti gehassitapemena āmasatopi dukkaṭameva vuttaṃ. Imaṃ pana bhagavato āṇaṃ anussarantena sacepi nadīsotena vuyhamānaṃ mātaraṃ passati, neva hatthena parāmasitabbā, paṇḍitena pana bhikkhunā nāvā vā phalakaṃ vā kadalikkhando vā dārukkhando vā upasaṃharitabbo. Tasmim asati kāsāvampi upasaṃharitvā purato ṭhapetabbam, “ettha gaṇhāhī”ti pana na vattabbā. Gahite “parikkhāraṃ kaḍḍhāmī”ti kaḍḍhantena gantabbam. Sace pana bhāyati, purato purato gantvā “mā bhāyī”ti samassāsetabbā. Sace bhāyamānā puttassa sahasā khandhe vā abhiruhati, hatthe vā gaṇhāti, na “apehi mahallike”ti niddhunitabbā, thalaṃ pāpetabbā. Kaddame laggāyapi kūpe patitāyapi eseva nayo. Tatrāpi hi yottaṃ vā vatthaṃ vā pakkhipitvā hatthena gahitabhāvaṃ ñatvā uddharitabbā, na tveva āmasitabbā.

40.Không được chạm đến có nghĩa là không nên sờ mó. Ở đây, sự phân xử là như vậy (pārā. aṭṭha. 2.281) – bởi vì dù là người mẹ, hay người con gái, hay người chị em, người nữ nào cũng đều là sự trở ngại cho phạm hạnh và không được chạm đến, do đó, đã được nói rằng ngay cả việc sờ mó với tâm ái luyến quyến thuộc rằng: ‘Đây là mẹ của ta, đây là con gái của ta, đây là chị em của ta’ cũng phạm Tác Ác. Vị Tỳ-khưu, trong khi tưởng nhớ đến lời huấn thị này của đức Thế Tôn, nếu thấy người mẹ đang bị dòng sông cuốn trôi, cũng không nên dùng tay sờ mó đến. Vị Tỳ-khưu có trí nên mang lại chiếc thuyền, hay tấm ván, hay thân cây chuối, hay khúc gỗ. Trong khi không có các vật ấy, cũng nên đưa tấm y kāsāva ra và đặt ở phía trước, tuy nhiên không nên nói rằng: ‘Hãy nắm lấy ở đây.’ Khi bà ấy đã nắm giữ, vị ấy nên đi trong khi kéo với ý nghĩ rằng: ‘Ta đang kéo vật dụng.’ Còn nếu bà ấy sợ hãi, vị ấy nên đi ở phía trước và nên an ủi rằng: ‘Xin đừng sợ hãi.’ Nếu trong khi đang sợ hãi, bà ấy bất ngờ leo lên vai hay nắm lấy tay của người con trai, không nên xô đẩy ra rằng: ‘Bà già, hãy tránh ra,’ mà nên đưa bà ấy đến nơi đất liền. Trong trường hợp bị sa lầy trong bùn hay bị rơi xuống giếng, phương pháp cũng là như vậy. Ở đó, nên ném xuống sợi dây hay tấm vải, và sau khi biết được (bà ấy) đã dùng tay nắm lấy thì nên kéo lên, chứ không nên sờ mó đến.

Na kevalañca mātugāmassa sarīrameva anāmāsaṃ, nivāsanapārūpanampi ābharaṇabhaṇḍampi antamaso tiṇaṇḍupakaṃ vā tālapaṇṇamuddikaṃ vā upādāya anāmāsameva. Tañca kho nivāsanapāvuraṇaṃ piḷandhanatthāya ṭhapitameva. Sace pana nivāsaṇaṃ vā pārūpanaṃ vā parivattetvā cīvaratthāya pādamūle ṭhapeti, vaṭṭati.

Ābharaṇabhaṇḍesu pana sīsapasādhanaḍantāsūciādikappiyabhaṇḍaṃ “imaṃ, bhante, tumhākaṃ dema, gaṇhathā”ti dīyamānaṃ sipāṭikāsūciādiupakaraṇatthāya gaheṭabbhaṃ. Suvaṇṇarajataṃuttādimayaṃ pana anāmāsameva, dīyamānampi na gaheṭabbhaṃ. Na kevalaṇca etāsaṃ sarīrūpagameva anāmāsaṃ, itthisaṇṭhānena kataṃ kaṭṭharūpampi dantarūpampi ayarūpampi loharūpampi tipurūpampi potthakarūpampi sabbaratanarūpampi antamaso piṭṭhamayarūpampi anāmāsameva. Paribhogatthāya pana “idaṃ tumhākaṃ hotū”ti labhivā ṭhapetvā sabbaratanamayaṃ avasesaṃ bhinditvā upakaraṇārahaṃ upakaraṇe, paribhogārahaṃ paribhoge upanetuṃ vaṭṭati.

Không chỉ thân thể của người nữ là không được chạm đến, mà cả y phục mặc và choàng, cả đồ trang sức, cho đến cái quạt bằng cỏ hay chiếc nhẫn bằng lá bối cũng đều không được chạm đến. Và điều này (áp dụng cho) y phục mặc và choàng đã được cất giữ với mục đích để trang điểm. Còn nếu, sau khi đã đổi lấy y phục mặc hay choàng, người ấy đặt chúng dưới chân (với ý định dâng) làm y thì được phép. Còn đối với các đồ trang sức, những vật hợp lệ như đồ trang điểm đầu, kim xỉa răng,... trong khi được dâng cúng với lời nói rằng: ‘Thưa ngài, chúng con xin dâng vật này đến ngài, xin ngài hãy nhận lấy,’ thì nên nhận lấy với mục đích làm các vật dụng như hộp đựng kim... Còn những vật làm bằng vàng, bạc, ngọc trai... thì không được chạm đến, và dầu được dâng cúng cũng không nên nhận lấy. Không chỉ những vật thuộc về thân thể của các người nữ ấy là không được chạm đến, mà cả hình tượng bằng gỗ, hình tượng bằng ngà, hình tượng bằng sắt, hình tượng bằng đồng, hình tượng bằng thiếc, hình tượng bằng sách, hình tượng bằng các loại bảo vật, cho đến hình tượng bằng bột được làm theo hình dáng của người nữ cũng đều không được chạm đến. Tuy nhiên, sau khi đã nhận được với lời nói rằng: ‘Vật này hãy là của ngài,’ với mục đích để dùng, ngoại trừ những vật làm bằng các loại bảo vật, thì những vật còn lại, sau khi đã đập vỡ, những gì thích hợp làm vật dụng thì nên dùng làm vật dụng, những gì thích hợp để tiêu dùng thì nên dùng để tiêu dùng là điều được phép.

41. Yathā ca itthirūpakam, evaṃ sattavidham dhañṇampi anāmāsameva. Tasmā khetmajjhena gacchantena tatthajātakampi dhañṇaphalaṃ na āmasantena gantabbhaṃ. Sace gharadvāre vā antarāmagge vā dhañṇaṃ pasāritaṃ hoti, passena ca maggo atthi, na maddantena gantabbhaṃ. Gamanamagge asati maggaṃ adhiṭṭhāya gantabbhaṃ. Antaraghare dhañṇassa upari āsanaṃ pañṇapetvā denti, nisīdituṃ vaṭṭati. Keci āsanasālāya dhañṇaṃ ākiranti, sace sakkā hoti harāpetuṃ, harāpetabbhaṃ. No ce, ekamantaṃ dhañṇaṃ amaddantena pīṭhakaṃ pañṇapetvā nisīditabbhaṃ. Sace okāso na hoti, manussā dhañṇamajjheyeva pañṇapetvā denti, nisīditabbhaṃ. Tatthajātakāni muggamāsādīni aparāṇṇānīpi tālapanasādīni vā phalāni kīḷantena na āmasitabbāni. Manussehi rāsikatesupi eseva nayo. Arañṇe pana rukkhato patitāni phalāni

“anupasampannānam dassāmī”ti gaṇhitum vaṭṭati.

41. Giống như hình tượng người nữ, bảy loại ngũ cốc cũng như vậy, không được chạm đến. Do đó, vị Tỳ-khưu đi ngang qua giữa ruộng không nên sờ mó đến trái của loại lúa đã sanh trưởng ở đó mà nên đi. Nếu lúa được phơi ở cửa nhà hay ở khoảng giữa đường, và có lối đi ở bên cạnh thì không nên đi đạp lên mà nên đi (lối kia). Khi không có lối đi, nên quyết định con đường (để đi) rồi đi. Ở trong nhà, họ trải chỗ ngồi ở bên trên lúa và dăng cúng, được phép ngồi xuống. Vài người rải lúa ở trong nhà nghỉ, nếu có thể cho dời đi thì nên cho dời đi. Nếu không, nên trải ghế ở một bên, không đạp lên lúa, rồi ngồi xuống. Nếu không có chỗ trống, những người kia trải (chỗ ngồi) ở ngay giữa đồng lúa và dăng cúng, nên ngồi xuống. Các loại đậu khác như đậu xanh, đậu đen,... đã sanh trưởng ở đó hoặc các loại trái cây như trái thốt nốt, trái mít,... không nên được sờ mó đến trong khi vui đùa. Đối với các đồng (ngũ cốc) do người ta chất lên, phương pháp cũng là như vậy. Tuy nhiên, ở trong rừng, được phép nhặt lấy các trái cây đã rụng từ trên cây với ý nghĩ rằng: ‘Ta sẽ cho những người chưa thọ Cụ túc giới.’

42. Muttā maṇi veḷuriyo saṅkho silā pavāḷaṃ rajataṃ jātārūpaṃ lohitaṅko masāragallanti imesu dasasu ratanesu **muttā** adhotā aviddhā yathājātāva āmasitum vaṭṭati, sesā anāmāsāti vadanti, taṃ na gahetabbam. **Mahāpaccariyaṃ** pana “muttā dhotāpi adhotāpi anāmāsā, bhaṇḍamūlatthāya ca sampāṭicchitum na vaṭṭati, kuṭṭharogassa bhesajjatthāya pana vaṭṭatī”ti vuttaṃ, taṃ yuttaṃ. Antamaso jātiphalikaṃ upādāya sabbopi nīlapītādivaṇṇabhedo **maṇi** dhotaviddhavaṭṭito anāmāso, yathājāto pana ākaramutto pattādibhaṇḍamūlatthaṃ sampāṭicchitum vaṭṭatīti vuttaṃ, tampi **mahāpaccariyaṃ** paṭikkhittaṃ. Pacitvā kato kācamaṇiyeveko vaṭṭatīti vuttaṃ. **Veḷuriye** pi maṇisadisova vinicchayo.

42. Trong mười loại bảo vật này là: ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc lưu ly, vỏ ốc, đá, san hô, bạc, vàng, hồng ngọc, và ngọc mã não thì về **ngọc trai**, loại chưa rửa, chưa khoan, còn nguyên trạng như khi được sanh ra thì được phép sờ mó; các loại còn lại thì không được chạm đến, họ nói như vậy, điều ấy không nên được chấp nhận. Tuy nhiên, trong **sách Mahāpaccarī**, đã được nói rằng: ‘Ngọc trai, dầu đã rửa hay chưa rửa, đều không được chạm đến, và không được phép thọ nhận với mục đích làm giá mua hàng hóa, nhưng được phép (dùng) với mục đích làm thuốc trị bệnh phong cùi,’ điều ấy là hợp lý. Về **ngọc ma-ni**, tất cả các loại có màu sắc khác nhau như xanh, vàng,... cho đến loại pha lê tự nhiên, khi đã được rửa, khoan, và đánh bóng thì không được chạm đến; nhưng loại còn nguyên trạng như khi được lấy ra từ mỏ thì được phép thọ nhận với mục đích làm giá mua các vật dụng như bình bát,... điều này đã được nói đến, nhưng điều ấy cũng đã bị bác bỏ trong **sách Mahāpaccarī**. Đã được nói rằng chỉ có một loại ngọc thủy tinh được làm ra sau khi nấu chảy là được phép. Về **ngọc lưu ly**, sự phân xử cũng tương tự như ngọc ma-ni.

Saṅkho dhamanasaṅkho ca dhotaviddho ca ratanamisso anāmāso, pāṇīyasaṅkho dhotopi adhotopi āmāsova. Sesaṅca añjanādibhesajjatthāyapi bhaṇḍamūlatthāyapi sampāṭicchitum vaṭṭati. **Silā** dhotaviddhā ratanasamṃyuttā muggavaṇṇāva anāmāsā, sesā satthakanighaṃsanādiatthāya gaṇhitum vaṭṭati. Ettha ca **ratanasamṃyuttā**ti suvaṇṇena saddhiṃ yojetvā pacitvā katāti vadanti. **Pavāḷaṃ** dhotaviddham anāmāsam, sesam āmāsaṅca bhaṇḍamūlatthaṅca sampāṭicchitum vaṭṭatīti vadanti, taṃ na gahetabbam. **Mahāpaccariyaṃ** pana “dhotampi adhotampi sabbam anāmāsaṅca na ca sampāṭicchitum vaṭṭatī”ti vuttaṃ, taṃ yuttaṃ.

Về **vỏ ốc**, loại ốc tù và, khi đã được rửa, khoan và có pha lẫn bảo vật thì không được chạm đến; loại ốc dùng để uống nước, dầu đã rửa hay chưa rửa, đều được sờ mó. Các loại còn lại, được phép thọ nhận với mục đích làm thuốc như phấn chì... và cả với mục đích làm giá mua hàng hóa. Về **đá**, loại có màu đậu xanh, đã được rửa, khoan, và có gắn liền với bảo vật thì không được chạm đến; các loại còn lại, được phép nhận lấy với mục đích mài dao,... Ở đây, (cụm từ) ‘**có gắn liền với bảo vật**’ có nghĩa là đã được làm ra sau khi được

kết hợp và nấu chảy cùng với vàng, họ nói như vậy. Về **san hô**, loại đã được rửa và khoan thì không được chạm đến; loại còn lại thì được sờ mó và được phép thọ nhận với mục đích làm giá mua hàng hóa, họ nói như vậy, điều ấy không nên được chấp nhận. Tuy nhiên, trong **sách Mahāpaccarī**, đã được nói rằng: ‘Tất cả, dầu đã rửa hay chưa rửa, đều không được chạm đến và cũng không được phép thọ nhận,’ điều ấy là hợp lý.

Rajatañca jātārūpañca katabhaṇḍampi akatabhaṇḍampi sabbena sabbam bījato paṭṭhāya anāmāsañca asampaṭicchaniyāñca. Uttaraṛājaputto kira suvaṇṇacetiyaṃ kārāpetvā mahāpadumattherassa pesesi. Thero “na kappatī”ti paṭikkhipi. Cetiyaḡhare suvaṇṇapadumasuvaṇṇabubbuḷakādīni honti, etānipi anāmāsāni. Cetiyaḡharagopakā pana rūpiyaḡḍḍakattāṇe tṭhitā , tasmā tesam keḷāpayitum vaṭṭatīti vuttaṃ.

Kurundhiyaṃ pana tampi paṭikkhittaṃ, suvaṇṇacetiye kacavameva haritum vaṭṭatīti ettakameva anuññātaṃ. Ārakūḷalohampi jātārūpagatikameva anāmāsanti sabbattṭhakathāsu vuttaṃ. Senāsanaparibhoge pana sabbopi kappiyo, tasmā jātārūparajatamayā sabbepi senāsanaparikkhārā āmāsā, bhikkhūnaṃ dhammavinayavaṇṇanaṭṭhāne ratanamaṇḍape karonti phalikattambhe ratanadāmapaṭimaṇḍite, tattha sabbūpakaraṇāni bhikkhūnaṃ paṭijaggitum vaṭṭanti.

Lohitañkamasāragallā dhotaviddhā anāmāsā, itare āmāsā, bhaṇḍamūlatthāya ca sampaṭicchitum vaṭṭatīti vuttaṃ. **Mahāpaccariyaṃ** pana “dhotāpi adhotāpi sabbaso anāmāsā, na ca sampaṭicchitum vaṭṭantī”ti paṭikkhittaṃ.

Về **bạc** và **vàng**, dầu là đồ vật đã được chế tác hay đồ vật chưa được chế tác, tất cả hoàn toàn, kể từ loại nguyên chất, đều không được chạm đến và không được thọ nhận. Nghe nói, hoàng tử Uttara sau khi cho làm một bảo tháp bằng vàng đã gửi đến trưởng lão Mahāpaduma. Vị trưởng lão đã từ chối rằng: ‘Không hợp lệ.’ Trong điện thờ bảo tháp, có các vật như hoa sen bằng vàng, các bột nước bằng vàng,... những vật này cũng không được chạm đến. Tuy nhiên, những người trông coi điện thờ bảo tháp được xem ở vị trí của những người vớt bỏ tiền bạc, do đó, đã được nói rằng được phép giao phó cho họ. Tuy nhiên, trong **sách Kurundī**, điều ấy cũng bị bác bỏ; đã được cho phép chỉ chừng mực này rằng: ‘Chỉ được phép dọn dẹp rác ở bảo tháp bằng vàng.’ Đồng thau cũng có cùng bản chất với vàng, là không được chạm đến, điều này đã được nói trong tất cả các sách Chú Giải. Tuy nhiên, trong việc sử dụng sàng tọa, tất cả đều hợp lệ. Do đó, tất cả các vật dụng của sàng tọa làm bằng vàng và bạc đều được sờ mó. Khi người ta làm một giảng đường bằng bảo vật ở nơi thuyết giảng Chánh Pháp và Luật cho các Tỳ-khưu, với các cột bằng pha lê được trang trí bằng các vòng hoa bảo vật, ở đó, các Tỳ-khưu được phép chăm sóc tất cả các vật dụng. Về **hồng ngọc và ngọc mã não**, loại đã được rửa và khoan thì không được chạm đến; các loại khác thì được sờ mó và đã được nói rằng được phép thọ nhận với mục đích làm giá mua hàng hóa. Tuy nhiên, trong **sách Mahāpaccarī**, điều này

đã bị bác bỏ rằng: ‘Dầu đã rửa hay chưa rửa, tất cả đều không được chạm đến và không được phép thọ nhận.’

43. Sabbam **āvudhabhaṇḍam** anāmāsaṃ, bhaṇḍamūlatthāya dīyamānampi na sampatiṇṇhitabbam. Satthavaṇijjā nāma na vaṭṭati. Suddhadhanudaṇḍopi dhanujiyāpi patodopi tomaropi añkusopi antamaso vāsipharasuādīnipi āvudhasaṅkhepena katāni anāmāsāni. Sace kenaci vihāre satti vā tomaro vā ṭhapito hoti, vihāram jaggantena “harantū”ti sāmikānaṃ pesetabbam. Sace na haranti, taṃ acālentena vihāro paṭijaggitabbo. Yuddhabhūmiyaṃ pana patitaṃ asim vā sattiṃ vā tomaraṃ vā disvā pāsāṇena vā kenaci vā asim bhinditvā satthakatthāya gahetuṃ vaṭṭati. Itarānipi viyojetvā kiñci satthakatthāya, kiñci kattaradaṇḍādiatthāya gahetuṃ vaṭṭati. “Idaṃ gaṇhathā”ti dīyamānaṃ pana vināsetvā “kappiyabhaṇḍam karissāmī”ti sabbampi sampatiṇṇhituṃ vaṭṭati.

43. Tất cả các loại **vũ khí** đều không được chạm đến, dầu được dâng cúng với mục đích làm giá mua hàng hóa cũng không được thọ nhận. Việc buôn bán vũ khí là không được phép. Ngay cả thân cung trôn, cả dây cung, cả roi nhọn, cả cây lao, cả cái mỏ giật, cho đến cả cái đục, cái rìu,... được làm theo hình dạng của vũ khí đều không được chạm đến. Nếu ngọn giáo hay cây lao được ai đó đặt ở trong tu viện, vị Tỳ-khưu trông coi tu viện nên nhắn gửi đến những người chủ rằng: ‘Họ hãy mang đi.’ Nếu họ không mang đi, vị ấy nên chăm sóc tu viện mà không di chuyển vật ấy. Tuy nhiên, sau khi thấy thanh gươm, hay ngọn giáo, hay cây lao bị rơi rớt ở chiến trường, sau khi đã dùng đá hay vật gì đó đập vỡ thanh gươm, được phép nhận lấy với mục đích làm dao nhỏ. Sau khi đã tháo rời các vật khác, được phép nhận lấy một phần với mục đích làm dao nhỏ, một phần với mục đích làm cán kéo,... Tuy nhiên, vật đang được dâng cúng với lời nói rằng: ‘Xin hãy nhận lấy vật này,’ sau khi đã phá hủy nó với ý nghĩ rằng: ‘Ta sẽ làm thành vật hợp lệ,’ được phép thọ nhận tất cả.

Macchajālapakkhijālādīnipi phalakajālīkādīnipi saraparittāṇānipi sabbāni anāmāsāni, paribhogatthāya labbhamānesu pana jālaṃ tāva “āsanassa vā cetiyassa vā upari bandhissāmi, chattaṃ vā veṭhessāmī”ti gahetuṃ vaṭṭati. Saraparittāṇaṃ sabbampi bhaṇḍamūlatthāya sampatiṇṇhituṃ vaṭṭati. Parūparodhanivāraṇaṇhi etaṃ, na uparodhakaranti. Phalaṃ “dantakatṭhabhājanaṃ karissāmī”ti gahetuṃ vaṭṭati.

Cả các loại như lưới bắt cá, lưới bắt chim,... cả các loại như bẫy sập,... cả các loại áo giáp,... tất cả đều không được chạm đến. Tuy nhiên, trong số những vật được nhận với mục đích để dùng, trước hết là tấm lưới, được phép nhận lấy với ý nghĩ rằng: ‘Ta sẽ giăng ở phía trên chỗ ngồi hay bảo tháp, hoặc ta sẽ bao bọc cây dù.’ Tất cả các loại áo giáp được phép thọ nhận với mục đích làm giá mua hàng hóa. Bởi vì vật này là để ngăn ngừa sự hãm hại của người khác, chứ không phải để gây ra sự hãm hại. Tấm ván (của bẫy sập),

được phép nhận lấy với ý nghĩ rằng: ‘Ta sẽ làm thành đồ đựng tắm rửa răng.’

Cammavinaddhāni vīṇābheriādāni anāmāsāni. **Kurundiyam** pana “bherisaṅghāṭopi vīṇasaṅghāṭopi tucchapokkharampi mukhavaṭṭiyam āropitacammampi vīṇādaṇḍakopi sabbam anāmāsa”nti vuttam. Onahitum vā onahāpetum vā vādetum vā vādāpetum vā na labbhatiyeva. Cetiyaṅgaṇe pūjam katvā manussehi chaḍḍitam disvāpi acāletvāva antarantare sammajjitabbam, kacavarachaḍḍanakāle pana kacavaraniyāmeneva haritvā ekamantam nikkhipitum vaṭṭatīti **mahāpaccariyam** vuttam. Bhaṇḍamūlatthāya sampaṭicchitumpi vaṭṭati, paribhogatthāya labbhamānesu pana vīṇādoṇikaṇca bheripokkharaṇca dantakaṭṭhabhājanam karissāma, cammam satthakakosakanti evam tassa tassa parikkhārassa upakaraṇatthāya gahetvā tathā tathā kātum vaṭṭati.

Các loại như đàn vīṇā, trống bherī,... được bịt bằng da đều không được chạm đến. Tuy nhiên, trong **sách Kurundī**, đã được nói rằng: ‘Cả bộ trống, cả bộ đàn vīṇā, cả bầu rỗng, cả mặt da được căng trên vành miệng trống, cả cần đàn vīṇā, tất cả đều không được chạm đến.’ Hoàn toàn không được phép tự mình căng (da), hay bảo người khác căng, tự mình đánh, hay bảo người khác đánh. Dầu thấy các vật ấy bị người ta vứt bỏ sau khi đã thực hiện sự cúng dường ở sân bảo tháp, cũng nên quét dọn ở khoảng giữa mà không di chuyển chúng. Tuy nhiên, vào lúc vứt bỏ rác, được phép mang đi và đặt ở một bên theo cách thức (xử lý) rác, điều này đã được nói trong **sách Mahāpaccarī**. Cũng được phép thọ nhận với mục đích làm giá mua hàng hóa. Tuy nhiên, trong số những vật được nhận với mục đích để dùng, (với ý nghĩ rằng:) ‘chúng tôi sẽ làm bầu đàn vīṇā và thùng trống thành đồ đựng tắm rửa răng, tắm da thành bao đựng dao nhỏ,’ được phép nhận lấy với mục đích làm vật dụng cho các vật tư ấy và làm theo như vậy.

Iti pāḷimuttakavinayavinicchayaṅgahe

Như thế, trong bộ sách Toát Yếu Phân Xử Về Luật nằm ngoài Pāḷi,

Anāmāsavinicchayakathā samattā.

Lời giảng về sự phân xử các vật không được chạm đến đã được chấm dứt.